

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1. Tên cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU  
2. Địa chỉ: 213, khu phố 4, thị trấn Dương Minh Châu, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh  
3. Thời gian hoạt động khám chữa bệnh: 24/24 giờ hàng ngày, 7 ngày trong tuần.  
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

4.1. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Dương Minh Châu

| Sr | Họ tên              | Số CCHN          | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                    | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc) | Vị trí chuyên môn                                   | Ghi chú |
|----|---------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|
| 1  | HUYỀN KIỀU CHINH    | 0001284/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp                                                                                   | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Bác sĩ, Phó giám đốc                                |         |
| 2  | HUYỀNH NGỌC BÌNH    | 000153/TNI-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                    | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Bác sĩ, Giám đốc                                    |         |
| 3  | LÂM THỊ TÔI         | 0002346/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                                                                       | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Bác sĩ, Phó giám đốc                                |         |
| 4  | PHAN TÂN CƯỜNG      | 003151/TNI-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp                                                                                   | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Bác sĩ, Phó giám đốc                                |         |
| 5  | DƯƠNG THỊ CẨM NHUNG | 0001349/TNI-CCHN | Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT - BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh. | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | NHSTH, Nhân viên<br>khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản |         |
| 6  | LÊ THỊ HỒNG LỮU     | 0001350/TNI-CCHN | Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT - BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh. | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | NHSTH, Nhân viên<br>khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản |         |

|    |                       |                  |                                                                                                                                                               |                                |                                                                   |  |
|----|-----------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--|
| 7  | LÊ THỊ KIM LIÊN       | 0001351/TNI-CCHN | Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.                               | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên<br>khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản               |  |
| 8  | LÊ THỊ THÚY DIỄM      | 0001362/TNI-CCHN | Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.                               | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên<br>khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản               |  |
| 9  | NGÔ PHẠM PHƯƠNG MAI   | 3359/TNI-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp                                                                                                                 | Toàn thời gian, theo lịch trực | Bác sĩ, Phó khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản                       |  |
| 10 | NGÔ THỊ HOÀNG MỸ      | 0001335/TNI-CCHN | Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.                               | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên<br>khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản                |  |
| 11 | TRẦN THỊ LAN          | 0001352/TNI-CCHN | Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.                               | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên<br>khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản               |  |
| 12 | ĐẶNG THỊ MỸ DUNG      | 0001359/TNI-CCHN | Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.                               | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên<br>khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản               |  |
| 13 | HỒ NGỌC TRÂM          | 001340/TNI-CCHN  | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Toàn thời gian, theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên<br>khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại tổng hợp |  |
| 14 | LÊ TÀN TÒN            | 0001290/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại - Chấn thương chỉnh hình                                                                                               | Toàn thời gian, theo lịch trực | Bác sĩ, Trưởng khoa<br>khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại tổng hợp      |  |
| 15 | NGUYỄN THỊ BÉ         | 0001941/TNI-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Toàn thời gian, theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên<br>khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại tổng hợp |  |
| 16 | NGUYỄN THỊ CẨM VÂN    | 0001985/TNI-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Toàn thời gian, theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên<br>khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại tổng hợp |  |
| 17 | NGUYỄN THỊ THU CẨM    | 0002348/TNI-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Toàn thời gian, theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên<br>khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại tổng hợp |  |
| 18 | PHAN HUỲNH QUỐC TRUNG | 0001285/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp                                                                                                                 | Toàn thời gian, theo lịch trực | Bác sĩ, Phó khoa<br>khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh          |  |

|    |                         |                  |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                |                                                                |  |
|----|-------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------|--|
| 19 | TRẦN KIM NGUYẾT         | 0001986/TNI-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.                                                                                       | Toàn thời gian, theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại tổng hợp |  |
| 20 | TRẦN THỊ CẨM THỊ        | 002955/TNI-CCHN  | Kiểm bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp                                                                                                                                                                                                       | Toàn thời gian, theo lịch trực | Bác sĩ, Phó khoa khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại tổng hợp         |  |
| 21 | TRẦN THỊ TUYẾT PHƯƠNG   | 0001041/TNI-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.                                                                                       | Toàn thời gian, theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại tổng hợp |  |
| 22 | HỒ VĂN LUÂN             | 003202/TNI-CCHN  | Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015.                                                                                                                           | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa              |  |
| 23 | NGUYỄN THỊ LÊ QUYÊN     | 0001291/TNI-CCHN | Kiểm bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp                                                                                                                                                                                                       | Toàn thời gian, theo lịch trực | Bác sĩ, Phó khoa khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa             |  |
| 24 | NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG | 0001817/TNI-CCHN | Tiền (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, huyết áp                                                                                                                                                                                            | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa              |  |
| 25 | NGUYỄN VĂN RE           | 0001317/TNI-CCHN | Tiền (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, huyết áp                                                                                                                                                                                            | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa              |  |
| 26 | PHẠM THANH LONG         | 0001551/TNI-CCHN | Kiểm bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt                                                                                                                                                                                                                | Toàn thời gian, theo lịch trực | Bác sĩ, Trưởng khoa khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa          |  |
| 27 | NGUYỄN THỊ HÒA LÝ       | 3616/TNI-CCHN    | Kiểm chữa bệnh thông thường răng trẻ em                                                                                                                                                                                                             | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa              |  |
| 28 | NGUYỄN ĐÌNH BẢO         | 3342/TNI-CCHN    | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của Bộ Y tế, Bộ nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học sự phòng, y sĩ | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa              |  |
| 29 | ĐẶNG SON TÙNG           | 0001311/TNI-CCHN | Kiểm bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                                                                                                                                                                                           | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ YHCT, Nhân viên khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa         |  |
| 30 | BÙI NGỌC PHƯỢNG         | 0002395/TNI-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.                                                                                       | Toàn thời gian, theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa     |  |

|    |                    |                  |                                                                                                                                                               |                                   |                                                                              |  |
|----|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--|
| 31 | LÊ THỊ BÁC         | 0001325/TNI-CCHN | Tiền (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, huyết áp                                                                                                      | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên<br>khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm                    |  |
| 32 | LÊ THỊ KIM HANH    | 0001287/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp                                                                                                                 | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Bác sĩ, Trưởng khoa<br>khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm                |  |
| 33 | NGÔ THỊ LUYẾN      | 0001342/TNI-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên<br>khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm                    |  |
| 34 | NGUYỄN NGỌC TÚ     | 3251/TNI-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp                                                                                                                 | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Bác sĩ, Nhân viên<br>khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm                  |  |
| 35 | NGUYỄN QUYẾT THẮNG | 0001289/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp                                                                                                                 | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Bác sĩ, Nhân viên<br>khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm                  |  |
| 36 | NGUYỄN THỊ MAI     | 0001322/TNI-CCHN | Tiền (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, huyết áp                                                                                                      | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên<br>khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm                    |  |
| 37 | NGUYỄN THỊ THUY    | 0001286/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi                                                                                                                          | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Bác sĩ, Phó khoa<br>khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm                   |  |
| 38 | VÕ THỊ NHỊ         | 0001343/TNI-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên<br>khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm           |  |
| 39 | VŨ THỊ DUNG        | 0001326/TNI-CCHN | Tiền (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, huyết áp                                                                                                      | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên<br>khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm                    |  |
| 40 | ĐỖ LÊ HÀ THANH     | 0001324/TNI-CCHN | Tiền (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, huyết áp                                                                                                      | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Bác sĩ, Nhân viên<br>khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm                  |  |
| 41 | CAO NGUYỄN THO     | 0002869/TNI-CCHN | Kỹ thuật viên chuyên khoa xét nghiệm                                                                                                                          | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Kỹ thuật viên xét nghiệm, Nhân viên<br>khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |  |
| 42 | HỒ THỊ CẨM TÚ      | 0001816/TNI-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên<br>khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh            |  |
| 43 | HUỖNH THỊ MỸ       | 0001283/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Ngoại - Sản                                                                                                                   | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Bác sĩ, Nhân viên<br>khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh                   |  |

|    |                      |                  |                                                                                                                                                               |                                   |                                                                              |  |
|----|----------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--|
| 44 | HUỖNH THỊ NGỌC MÃN   | 3528/TNI-CCHN    | Kỹ thuật viên chuyên khoa xét nghiệm                                                                                                                          | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Kỹ thuật viên xét nghiệm, Nhân viên<br>khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |  |
| 45 | LÂM THỊ NGỌC VĨNH    | 0001339/TNI-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Kỹ thuật viên xét nghiệm, Nhân viên<br>khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |  |
| 46 | LÊ THANH TUẤN        | 0001341/TNI-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên<br>khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh            |  |
| 47 | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG | 0001320/TNI-CCHN | Tiền (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, huyết áp                                                                                                      | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên<br>khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh                     |  |
| 48 | NGUYỄN THỊ THU HÀ    | 0002622/TNI-CCHN | Kỹ thuật viên xét nghiệm                                                                                                                                      | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Kỹ thuật viên xét nghiệm, Nhân viên<br>khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |  |
| 49 | NGUYỄN VĂN SỸ        | 0003203/TNI-CCHN | Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-T-BYT-BNV ngày 07/10/2015.                                   | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên<br>khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh                     |  |
| 50 | ĐÀO THỊ HỒNG QUYÊN   | 3302/TNI-CCHN    | Kỹ thuật viên chuyên khoa xét nghiệm                                                                                                                          | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Kỹ thuật viên xét nghiệm, Nhân viên<br>khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |  |
| 51 | LÊ THỊ HỒNG NGOÂN    | 0001312/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                                                                                                     | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Y sĩ YHCT, Nhân viên<br>khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng            |  |
| 52 | NGUYỄN HỒNG TRÔNG    | 0001299/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                                                                                                     | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Y sĩ YHCT, Nhân viên<br>khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng            |  |
| 53 | PHẦN THỊ KIM THOA    | 3455/TNI-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                                                                                                     | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Y sĩ YHCT, Nhân viên<br>khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng            |  |
| 54 | VÕ DUY NHÂN          | 0001298/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                                                                                                     | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Thạc sĩ YHCT, Phó khoa<br>khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng          |  |
| 55 | PHẦN THỊ NGỌC THẢO   | 0001288/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp                                                                                                                 | Toàn thời gian,<br>theo lịch trực | Bác sĩ, Trưởng phòng<br>Kế hoạch nghiệp vụ                                   |  |

4.2 Danh sách đang ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã, thị trấn

| Sst | Họ tên              | Số CCHN          | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                                                                                                        | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc) | Vị trí chuyên môn                              | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THỊ KIM THANH    | 0001348/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                                                               | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | NHSTH, Nhân viên Trạm Y tế Thị Trấn            |         |
| 2   | PHẠM THỊ MỸ HẠNH    | 0001327/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm(chích), thay băng                                                                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Y sỹ, Phó trạm<br>Trạm Y tế Thị Trấn           |         |
| 3   | HUYỀN VĂN THẮNG     | 0001313/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh thông thường YHCT                                                                                                                                                                                                                   | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Y sỹ YHCT, Nhân viên<br>Trạm Y tế Thị Trấn     |         |
| 4   | TRẦN THỊ KIM SANG   | 000137/TNI-CCHN  | Khám, chữa bệnh nội tổng hợp                                                                                                                                                                                                                        | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Bác sỹ, Trưởng trạm<br>Trạm Y tế Suối Đá       |         |
| 5   | NGUYỄN THÀNH ĐÀ     | 0001331/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh thông thường                                                                                                                                                                                                                        | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Y sỹ, Phó trạm<br>Trạm Y tế Suối Đá            |         |
| 6   | LƯU THỊ HOA         | 0001357/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                                                               | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | NHSTH, Nhân viên<br>Trạm Y tế Suối Đá          |         |
| 7   | LƯƠNG HOÀNG DUY     | 0001332/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh thông thường                                                                                                                                                                                                                        | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Y sỹ, Nhân viên<br>Trạm Y tế Suối Đá           |         |
| 8   | TRẦN THỊ THANH THUY | 0002564/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh nội khoa                                                                                                                                                                                                                            | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Y sỹ, Nhân viên<br>Trạm Y tế Suối Đá           |         |
| 9   | NGUYỄN THỊ NGỌC QUÝ | 0002421/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                                                               | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | NHSTH, Nhân viên<br>Trạm Y tế Suối Đá          |         |
| 10  | NGUYỄN THỊ LAN      | 0002557/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                                                               | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | NHSTH, Nhân viên<br>Trạm Y tế Suối Đá          |         |
| 11  | NGUYỄN THỊ KIM CHI  | 3691/TNI-CHN     | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của Bộ Y tế, Bộ nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học sự phòng, y sỹ | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Y sỹ, Nhân viên<br>Trạm Y tế Suối Đá           |         |
| 12  | NGUYỄN THỊ NHIÊN    | 0000944/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh nội tổng hợp                                                                                                                                                                                                                        | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Bác sỹ, Trưởng trạm<br>Trạm Y tế Phan          |         |
| 13  | TRẦN THỊ MINH THUY  | 0000931/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                                                                | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Điều dưỡng TH, Nhân viên<br>Trạm Y tế Phan     |         |
| 14  | BÀNG THỊ GAI        | 0001347/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                                                               | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | NHSTH, Nhân viên<br>Trạm Y tế Phan             |         |
| 15  | TRẦN THỊ ĐÀO        | 0000967/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh thông thường YHCT                                                                                                                                                                                                                   | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Bác sỹ YHCT, Nhân viên<br>Trạm Y tế Phan       |         |
| 16  | NGUYỄN THỊ THUỎ     | 0002258/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm(chích), thay băng                                                                                                                                                                                                                      | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Y sỹ, Phó trạm<br>Trạm Y tế Bàu Năng           |         |
| 17  | NGUYỄN THỊ DUNG     | 0002852/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                                                                | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | Điều dưỡng TH, Nhân viên<br>Trạm Y tế Bàu Năng |         |
| 18  | DƯƠNG THỊ NGÀ       | 0002210/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                                                               | Toàn thời gian, theo lịch trực                                                             | NHSTH, Nhân viên<br>Trạm Y tế Bàu Năng         |         |

|    |                      |                  |                                                                                                                                                                                                          |                                |                                               |  |
|----|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------|--|
| 19 | KIỀU THỊ THUYẾT TIỀN | 0002221/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                    | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên Trạm Y tế Bầu Nặng           |  |
| 20 | NGUYỄN THỊ ANH TUYẾT | 0000953/TNI-CCHN | Phòng chẩn trị                                                                                                                                                                                           | Toàn thời gian, theo lịch trực | Lương Y, Nhân viên Trạm Y tế Bầu Nặng         |  |
| 21 | PHẠM THÀNH DANH      | 0002239/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm(chích), thay băng                                                                                                                                                                           | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên Trạm Y tế Bầu Nặng            |  |
| 22 | NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN | 0002212/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh nội khoa                                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian, theo lịch trực | Bác sĩ, Trưởng trạm Trạm Y tế Chà Là          |  |
| 23 | PHẠM THỊ NGỌC DUYÊN  | 0000975/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm(chích), thay băng                                                                                                                                                                           | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Phó trạm Trạm Y tế Chà Là               |  |
| 24 | TRẦN THỊ BẠCH        | 0000976/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm(chích), thay băng                                                                                                                                                                           | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên Trạm Y tế Chà Là              |  |
| 25 | LÊ THỊ THUYẾT        | 0000008/TNI-CCHN | Tiêm, thay băng                                                                                                                                                                                          | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên Trạm Y tế Chà Là             |  |
| 26 | TỬ LÊ MỘNG TUYỀN     | 000118/TNI-CCHN  | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                    | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên Trạm Y tế Chà Là             |  |
| 27 | LÊ HIỀN HẬU          | 0001553/TNI-CCHN | Phòng chẩn trị                                                                                                                                                                                           | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ YHCT, Nhân viên Trạm Y tế Chà Là         |  |
| 28 | LÊ THỊ PHƯƠNG        | 0001292/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp                                                                                                                                                            | Toàn thời gian, theo lịch trực | Bác sĩ, Nhân viên Trạm Y tế Chà Là            |  |
| 29 | LÊ THỊ ÚT            | 0001295/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh nội tổng hợp                                                                                                                                                                             | Toàn thời gian, theo lịch trực | Bác sĩ, Trưởng trạm Trạm Y tế Cầu Khói        |  |
| 30 | NGUYỄN THỊ LAN       | 0001330/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm(chích), thay băng                                                                                                                                                                           | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên Trạm Y tế Cầu Khói            |  |
| 31 | VÕ THỊ TUYẾT VÂN     | 0001354/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa                                                                                                                                                                    | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên Trạm Y tế Cầu Khói           |  |
| 32 | LÊ THỊ TUYẾT LAN     | 0561/CCHND       | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT                                                                                                                                                                           | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ YHCT, Phó trạm Trạm Y tế Cầu Khói        |  |
| 33 | TRẦN VINH PHÚC       | 0082609/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                     | Toàn thời gian, theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên Trạm Y tế Cầu Khói   |  |
| 34 | TRẦN VĂN QUANH       | 0001558/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh nội tổng hợp                                                                                                                                                                             | Toàn thời gian, theo lịch trực | Bác sĩ, Trưởng trạm Trạm Y tế Trưởng Mít      |  |
| 35 | ĐẶNG THÀNH THO       | 0001471/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản                                                                                                                                                                     | Toàn thời gian, theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên Trạm Y tế Trưởng Mít |  |
| 36 | NGÔ THỊ MỘNG TUYỀN   | 0001472/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm(chích), thay băng                                                                                                                                                                           | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên Trạm Y tế Trưởng Mít          |  |
| 37 | NGUYỄN THỊ ĐÀU       | 0001468/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm(chích), thay băng                                                                                                                                                                           | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên Trạm Y tế Trưởng Mít          |  |
| 38 | PHẠM THỊ HỒNG PHÂN   | 3563/TNI-CCHN    | Thực hiện phàn vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BY-T-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên Trạm Y tế Trưởng Mít          |  |
| 39 | ĐOÀN VĂN NGUYỄN      | 0002211/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh nội khoa                                                                                                                                                                                 | Toàn thời gian, theo lịch trực | Bác sĩ, Trưởng trạm Trạm Y tế Lộc Ninh        |  |
| 40 | PHẠM THỊ THU         | 000163/TNI-CCHN  | Khám, chữa bệnh y học cổ truyền                                                                                                                                                                          | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ YHCT, Phó trạm Trạm Y tế Lộc Ninh        |  |
| 41 | LÊ THỊ VÂN           | 000946/TNI-CCHN  | Dịch vụ tiêm(chích), thay băng                                                                                                                                                                           | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên Trạm Y tế Lộc Ninh            |  |

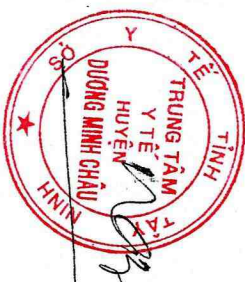
|    |                      |                  |                                       |                                |                                             |  |
|----|----------------------|------------------|---------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|--|
| 42 | NGUYỄN THỊ KIM LUYẾN | 000126/TNI-CCHN  | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản  | Toàn thời gian, theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên Trạm Y tế Lộc Ninh |  |
| 43 | TRẦN THỊ DIỄM        | 0001470/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên Trạm Y tế Lộc Ninh         |  |
| 44 | DƯƠNG VĂN PHI        | 0002664/TNI-CCHN | Kiểm chữa bệnh bằng YHCT              | Toàn thời gian, theo lịch trực | Bác sỹ YHCT, Phó trạm Trạm Y tế Bến Củi     |  |
| 45 | LÊ THỊ NGỌC MỸ       | 0000945/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm(chích), thay băng        | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên Trạm Y tế Bến Củi           |  |
| 46 | VÕ THÀNH VĂN         | 0002597/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản  | Toàn thời gian, theo lịch trực | Điều dưỡng TH, Nhân viên Trạm Y tế Bến Củi  |  |
| 47 | LÊ THỊ VIÊN          | 0002595/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên Trạm Y tế Bến Củi          |  |
| 48 | NGUYỄN THỊ CÀNH      | 0001818/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHS cao đẳng, Phó trạm Trạm Y tế Phước Minh |  |
| 49 | LÊ THỊ TUYẾT HỒNG    | 0001336/TNI-CCHN | Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản  | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên Trạm Y tế Phước Minh        |  |
| 50 | NGUYỄN THỊ BẠCH LIÊN | 0001345/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên Trạm Y tế Phước Minh       |  |
| 51 | NGUYỄN THỊ TUYẾT     | 0001314/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm(chích), thay băng        | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên Trạm Y tế Phước Minh        |  |
| 52 | NGUYỄN THANH TÂN     | 003163/TNI-CCHN  | Kiểm bệnh, chữa bệnh bằng YHCT        | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sỹ YHCT, Nhân viên Trạm Y tế Phước Minh   |  |
| 53 | CAO THỊ HỒNG THU     | 0001333/TNI-CCHN | Kiểm, chữa bệnh thông thường          | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sỹ, Phó trạm Trạm Y tế Phước Ninh         |  |
| 54 | ĐẶNG THUY NGỌC AN    | 0001360/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên Trạm Y tế Phước Ninh       |  |
| 55 | NGUYỄN THỊ DÂN       | 0001361/TNI-CCHN | Kỹ thuật thông thường về sản phụ khoa | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHSTH, Nhân viên Trạm Y tế Phước Ninh       |  |
| 56 | TRẦN THỊ NGỌC BÍCH   | 000225/TNI-CCHN  | Kiểm chữa bệnh y học cổ truyền        | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sỹ YHCT, Nhân viên Trạm Y tế Phước Ninh   |  |
| 57 | NGUYỄN MINH TÌNH     | 003207/TNI-CCHN  | Kiểm, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền  | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sỹ YHCT, Nhân viên Trạm Y tế Phước Ninh   |  |

#### 4.3. Danh sách đăng ký người làm việc

| Stt | Họ và Tên              | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí làm việc                                        | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THANH XUÂN DIỄM | Y sỹ                | Toàn thời gian, theo lịch trực                            | Y sỹ, Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn             |         |
| 2   | TRANG THUY DIỄM        | Y sỹ                | Toàn thời gian, theo lịch trực                            | Y sỹ, Nhân viên khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm |         |
| 3   | LÊ THỊ BÍCH LOAN       | Y sỹ                | Toàn thời gian, theo lịch trực                            | Y sỹ, Nhân viên trạm Y tế Phan                         |         |
| 4   | HỒ MINH TÊN            | Y sỹ                | Toàn thời gian, theo lịch trực                            | Y sỹ YHCT, Nhân viên trạm y tế Truong Mít              |         |
| 5   | ĐẶNG VĂN TUOI          | Sơ cấp              | Toàn thời gian, theo lịch trực                            | Y tá, Nhân viên trạm Y tế Truong Mít                   |         |
| 6   | NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG  | Y sỹ                | Toàn thời gian, theo lịch trực                            | Y sĩ, Nhân viên trạm Y tế Bầu Nang                     |         |
| 7   | VŨ THỊ TAM             | Sơ cấp              | Toàn thời gian, theo lịch trực                            | Y tá, Nhân viên trạm Y tế Bầu Nang                     |         |

|    |                    |            |                                |                                                        |  |
|----|--------------------|------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
| 8  | LƯƠNG THỊ THU THÚY | Y sỹ       | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên trạm Y tế Bàu Năng                     |  |
| 9  | VŨ THỊ THANH THÚY  | Y sỹ       | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm |  |
| 10 | LÂM THỊ KIM PHỤNG  | Nữ hộ sinh | Toàn thời gian, theo lịch trực | NHS, Nhân viên trạm Y tế Cầu Khởi                      |  |
| 11 | NGUYỄN DIÊN BÁCH   | Y sỹ       | Toàn thời gian, theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa      |  |

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT



Huỳnh Ngọc Bảnh

18